

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐỊA ỐC DLAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐỊA ỐC DLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110290157

**3. Ngày thành lập:** 17/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngõ 125/2 Đường Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0847860555

Fax:

Email: [tranducdat.vnua@gmail.com](mailto:tranducdat.vnua@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 4.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201        |
| 5.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6202        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6209        |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: “ Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản”<br>- Tư vấn pháp luật về bất động sản;<br>- Tư vấn về đầu tư tạo lập, kinh doanh bất động sản;<br>- Tư vấn về tài chính bất động sản;<br>- Tư vấn về giá bất động sản;<br>- Tư vấn về hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản.<br>(Không bao gồm đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất) | 6820(Chính) |
| 8.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 9.  | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2022        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2029        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2391        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5222        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5223        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5229        |
| 16. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Trừ hoạt động xuất bản phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5820        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4223        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4291        |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4292        |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4293        |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN ĐỨC ĐẠT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042095000090

Ngày cấp: 21/08/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: P12A08-CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P12A08-CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN ĐỨC ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042095000090

Ngày cấp: 21/08/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: P12A08-CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P12A08-CT6C CC Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội